

# PHÂN TÍCH LỢI ÍCH CỦA CÁC TÁC NHÂN TRÊN CHUỖI GIÁ TRỊ SỮA BÒ TƯƠI Ở VIỆT NAM

Trần Hữu Cường<sup>1</sup> Bùi Thị Nga<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Việt Nam nằm trong khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức tăng tiêu thụ sữa cao nhất thế giới. Việt Nam cũng đạt mức tăng năng suất sữa cao thứ hai ở châu Á với lượng sữa tiêu thụ đang tăng lên nhanh chóng. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi bò sữa trong nước chỉ đáp ứng được 22% nhu cầu tiêu dùng, phần còn lại phải nhập khẩu từ bên ngoài. Trong khi giá bán lẻ sữa của Việt Nam rất cao thì giá sữa nguyên liệu thấp. Như vậy phần giá trị người sản xuất sữa nhận được thì ít, phần lớn giá trị đã phân phối cho các tác nhân không trực tiếp tạo ra sữa. Điều này dẫn đến hiệu quả toàn chuỗi chưa cao. Bài viết này sử dụng cách tiếp cận chuỗi giá trị, phương pháp định tính và định lượng để đánh giá một điển hình chuỗi sữa tươi phía Bắc Việt Nam (thị trấn nông trường Mộc Châu) trong khoảng thời gian 2008 - 2010. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nhà máy sữa chiếm ưu thế và là nhân tố cơ bản thúc đẩy toàn chuỗi trong khi người nuôi bò là nhóm yếu thế trên chuỗi. Sự phân phối giá trị gia tăng bất công bằng giữa các tác nhân trên chuỗi và có xu hướng có lợi cho nhà chế biến sữa. Đặc biệt, giá trị gia tăng của khâu chăn nuôi bò sữa rất thấp.

*Từ khóa: chuỗi giá trị, bò sữa, liên kết, sữa tươi.*

## ACTORS' BENEFIT ANALYSIS ON VALUE CHAIN OF FRESH DAIRY MILK IN VIETNAM

### SUMMARY

Vietnam locates in the Asia-the most active region, where gains the highest economic growth rate and highest milk consumption in the world. Vietnam also ranks the second among the highest milk productivity in the Asia and milk consumption is increasing rapidly. However, the dairy industry in Vietnam is currently able to meet only 22% of domestic demand; the remaining amount has been imported (VOV/VNA, 2008). In addition, raw milk price is very low while retail price is too high. It leads to low effective in the production of the whole chain. This paper is based on the value chain approach within both quantitative and qualitative methods to evaluate a typical fresh value chain in the North of Vietnam in (Moc Chau plantation) in 2008 - 2010. The findings show that the dairy plant is the most powerful actor in the chain and it drives the whole chain while power of dairymen is very weak. The value added of the chain is distributed unequally among its actors in whom more benefitable for non-dairy cow producers. In particular, the value added in dairy cow stage would be much lower.

*Key words: Value chain, fresh milk, linkage, dairy.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự gia tăng nhanh chóng về nhu cầu tiêu dùng sữa ở Việt Nam trong thời gian gần đây là cơ hội để ngành chăn nuôi bò sữa phát triển. Tuy nhiên thực tế cho thấy các công ty chế biến sữa vẫn phát triển trong khi nhiều vùng chăn nuôi bò sữa phá sản. Phải chăng lợi ích chưa được phân bổ hiệu quả trong chuỗi giá trị sữa tươi? Nhiều tác giả trước đã nghiên cứu về sữa nhưng chưa có ai tiếp cận theo chuỗi giá trị để phân tích lợi ích của các bên tham gia trong chuỗi. Bài viết này góp phần tìm hiểu khoảng trống còn tồn tại trong ngành hàng sữa Việt Nam.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

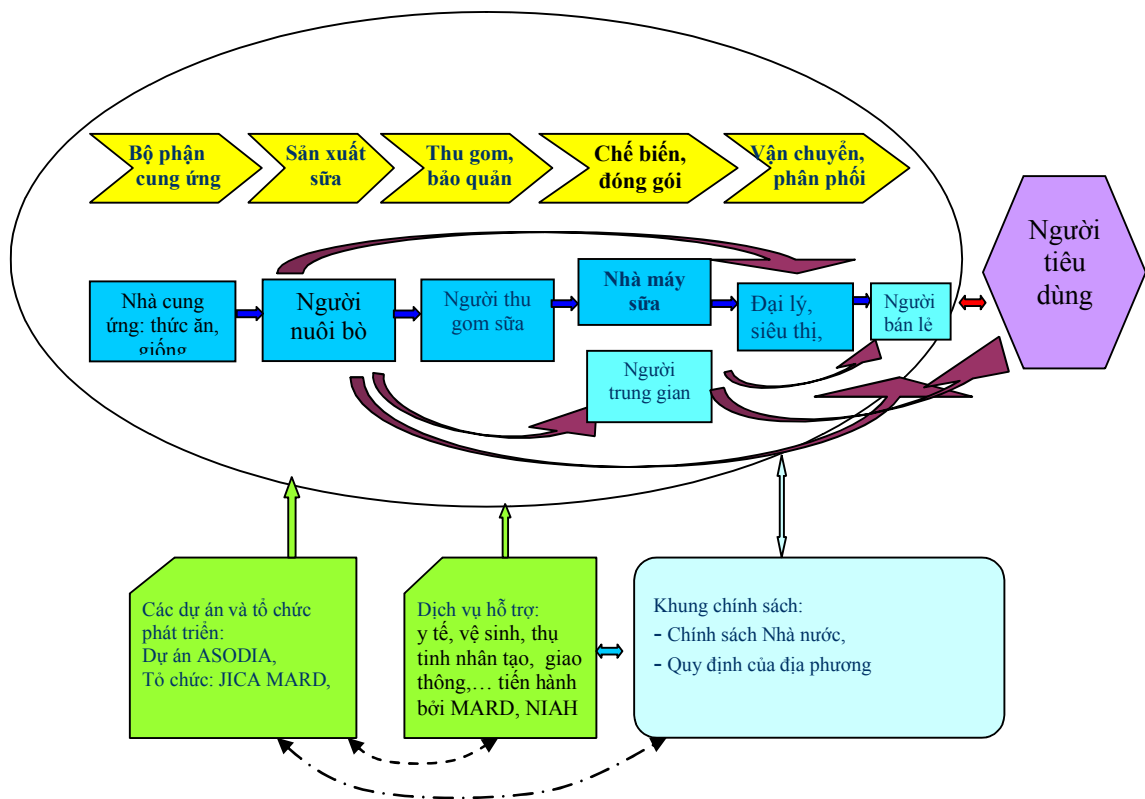
<sup>1</sup> PGS. TS. Trần Hữu Cường, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup> ThS. Bùi Thị Nga, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội

Trong nghiên cứu này, số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, phân tích của Tổng cục Thống kê và các sách, bài báo, báo cáo, luận văn và các tài liệu khác. Đặc biệt là số liệu thứ cấp từ các báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính của nhà máy sữa. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát, phỏng vấn, PRA theo phương pháp chọn mẫu cả nhóm. Số mẫu ở khâu sản xuất sữa là 20 hộ chăn nuôi bò sữa; số mẫu ở khâu thu gom là 1 người, số mẫu ở khâu phân phối là 18 người trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 10 năm 2010 tại thị trấn nông trường Mộc Châu - một trong những nơi được coi là mô hình điển hình trong chăn nuôi bò sữa ở phía Bắc.

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel và được phân tích, đánh giá dựa trên phương pháp phân tích thống kê, phương pháp phân tích ngành hàng, phân tích kinh tế (Hình 1).

Trong khung phân tích, chức năng của chuỗi bao gồm các khâu từ cung ứng đến phân phối thực hiện cách hoạt động trong chuỗi. Các tác nhân trong chuỗi nằm trong vòng tròn bắt đầu từ người cung ứng đầu vào đến đại lý/siêu thị/showroom và người bán lẻ là những người trực tiếp tạo ra giá trị và hưởng lợi từ chuỗi. Những người hỗ trợ cho sự phát triển của chuỗi là các tổ chức, dự án phát triển, các dịch vụ thú y... Khung pháp lý của Nhà nước tạo điều kiện cho chuỗi phát triển.



**Hình 1. Khung phân tích chuỗi giá trị sữa tươi khu vực Miền Bắc Việt Nam**

*Nguồn: Tác giả mô phỏng*

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, khu vực tăng trưởng năng động nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế hơn 9,5% hằng năm và mức tăng tiêu thụ sữa cao nhất thế giới. Trong 25 năm qua, châu Á chiếm 40% lượng sữa tiêu thụ tăng thêm toàn cầu và tốc độ tăng trưởng sữa cũng cao hơn các sản phẩm nông nghiệp khác. Lượng sữa tiêu thụ của Việt Nam liên tục tăng cao trong thời gian gần đây, năm 2005 mức tiêu thụ sữa tính trên đầu người là 5,9kg, năm 2008 đạt hơn 10kg/người (Nancy, 2008).

Từ những năm 1950 Việt Nam đã phát triển ngành chăn nuôi bò sữa nhưng tốc độ phát triển rất chậm. Cho đến năm 1990, mức sản xuất sữa bình quân đầu người mới đạt 0,1kg, năm 2000 đạt 0,7kg, năm 2005 đạt 2,1kg và năm 2009 đạt 3,2kg (Nancy, 2008; GSO, 2011). Tuy Việt Nam đạt mức tăng năng suất sữa cao thứ hai ở châu Á (Nancy, 2008) nhưng ngành chăn nuôi bò sữa hiện nay chỉ đáp ứng được 22% nhu cầu tiêu dùng, phần còn lại phải nhập khẩu từ bên ngoài (VOV/VNA, 2008). Ngoài ra, giá sữa thu mua của Việt Nam còn thấp trong khi giá sữa tiêu dùng rất cao nên giá trị mà người chăn nuôi nhận được tương đối thấp trong cơ cấu giá trị của toàn chuỗi giá trị (Nancy và CS, 2006).

Để có cái nhìn thực tế về các bên tham gia trong chuỗi giá trị sữa tươi, bài viết này nghiên cứu các tác nhân tham gia chuỗi, chức năng của họ trong chuỗi, phân tích giá trị mà họ nhận được, tìm ra các điểm mấu chốt có thể tác động để góp phần gia tăng giá trị cho các tác nhân trong chuỗi, đặc biệt nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

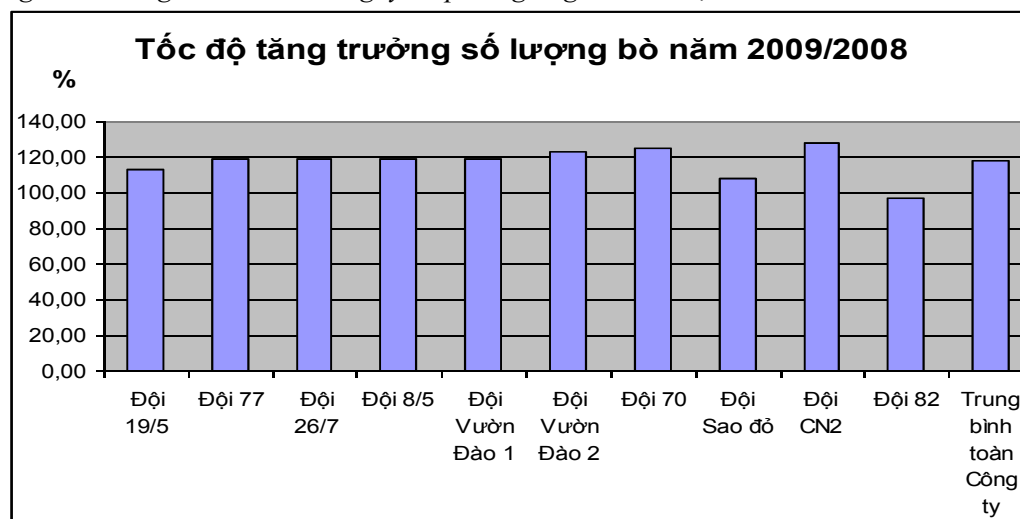
### 3.1 Tình hình chăn nuôi bò sữa tại thị trấn nông trường Mộc Châu

Nằm trên cao nguyên Mộc Châu, nơi có điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi bò sữa, thị trấn nông trường Mộc Châu có bề dày lịch sử 50 năm xây dựng và trưởng thành. Bắt đầu từ năm 1958 với 10 con bò năng suất 4kg sữa/bò cho lượng sữa 12 tấn mỗi năm (Anh và CS, 2009), đến nay nhà máy sữa đã lớn mạnh thành một thương hiệu được tin nhiệm. Số lượng bò, năng suất và sản lượng sữa của nhà máy sữa tăng nhanh, đều và liên tục qua các năm.

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu cơ bản về chăn nuôi bò sữa tại công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu**

Năm	Số lượng hộ nuôi bò (hộ)	Số lượng bò (con)	Số lượng bò sữa (con)	Sản lượng sữa tươi sản xuất (nghìn tấn)	Năng suất sữa trung bình (kg/con/ngày)	Quy mô bò trung bình (con bò/hộ)
2008	503	4.579	4.154	12.507,5	16,9	9,10
2009	491	5.735	5.237	19.675,7	20,21	11,68
2010 <sup>3</sup>	483	6.396	5.907	22.111,5	20,38	13,24

Nguồn: Phòng kinh doanh công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu



**Hình 2. Tăng trưởng số lượng bò tại nhà máy sữa**

Nguồn: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu

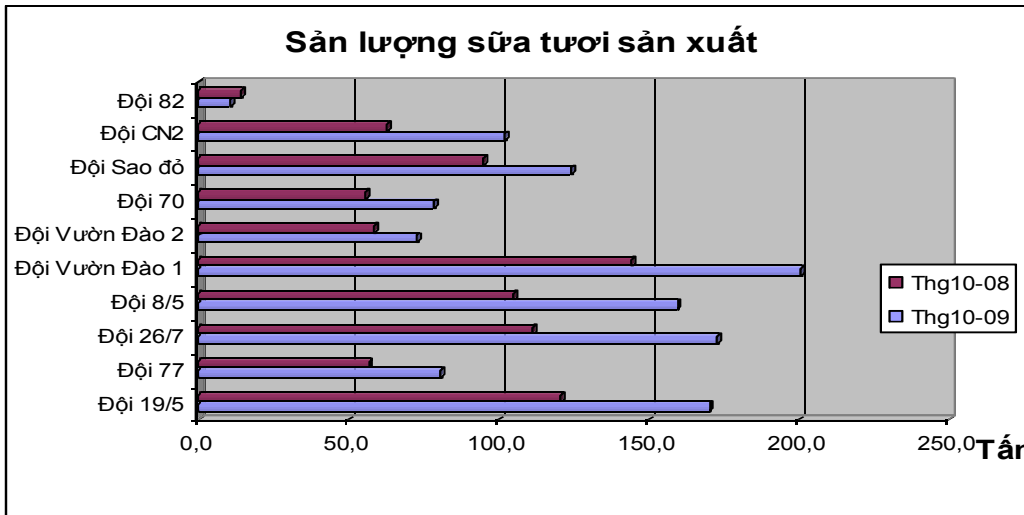
Số lượng hộ nuôi bò giảm đi kể từ năm 2008. Năm 2009 giảm 2,4% so với năm 2008, năm 2010 giảm 1,65% so với năm 2009. Tuy vậy, số lượng bò sữa tăng lên qua các năm với

<sup>3</sup> Số liệu năm 2010 được tính toán dựa trên báo cáo kết quả 6 tháng đầu năm của nhà máy sữa

mức tăng từ 11 đến 20%. Cùng với đó, năng suất sữa cũng tăng lên từ 8 - 16% làm cho sản lượng sữa tăng lên từ 11 đến 36% và quy mô bò trung bình trên hộ chăn nuôi tăng lên 11 đến 22% (Bảng 1). Nhà máy sữa có 10 đội sản xuất thì 9 đội có tốc độ tăng trưởng cao về số lượng bò, chỉ có đội 82 số lượng bò giảm đi 3,37% (Hình 2).

Do số hộ chăn nuôi bị thu hẹp, số lượng bò, sản lượng sữa và tốc độ tăng trưởng của đội 82 giảm đi rõ rệt (Hình 3).

Đội 82 là đội có số lượng bò ít nhất (khoảng 100 con) chỉ bằng 1/10 số lượng bò của đội nhiều nhất là đội Vườn Đào 1 (hơn 1000 con). Vườn Đào 1 cũng là đội có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng sữa sản xuất tại nhà máy sữa.

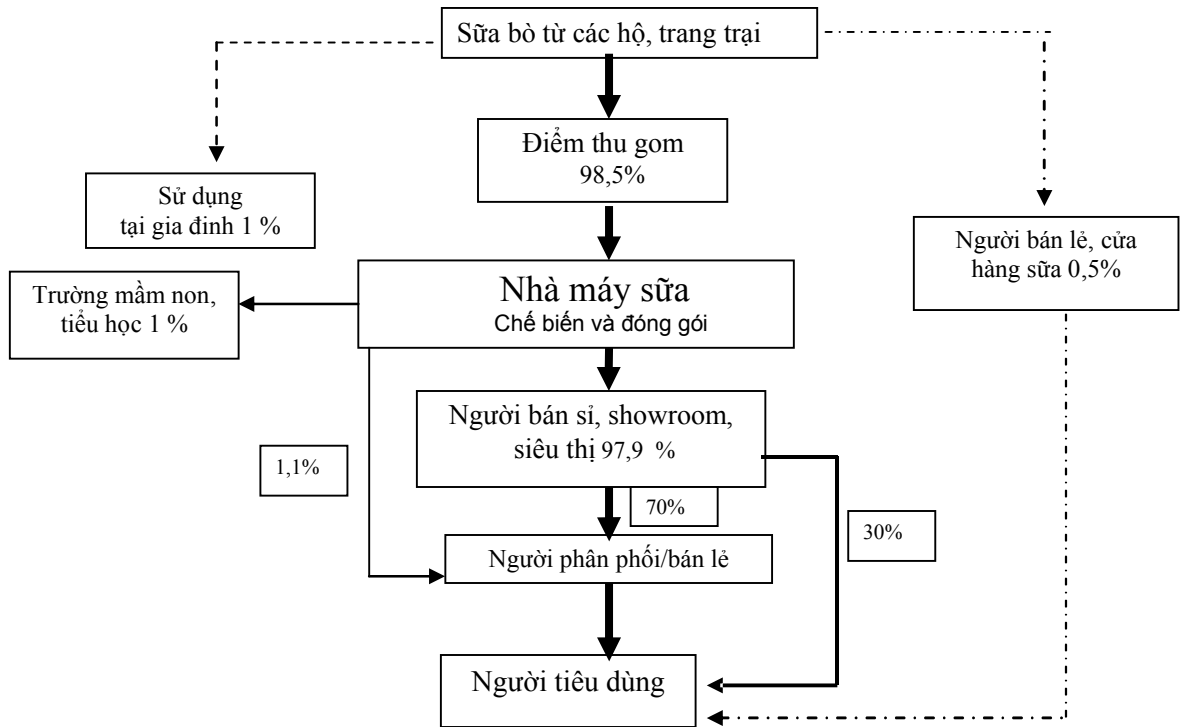


**Hình 3. Sản lượng sữa tươi sản xuất**

Nguồn: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu

### 3.2 Chuỗi phân phối sữa và chức năng của các tác nhân trong chuỗi

Theo nghiên cứu, phần lớn sữa sản xuất tại các trang trại, hộ gia đình được chuyển đến các trạm thu mua sữa (98,5%), tiếp theo được chuyển đến nhà máy sữa để chế biến và đóng gói, sau đó được vận chuyển đến các cửa hàng đại lý, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, siêu thị. Hai phần ba số sữa từ này sẽ được chuyển qua các đại lý cấp dưới và người bán lẻ trước khi đến tay người tiêu dùng. Một phần ba còn lại được chuyển trực tiếp đến tay người tiêu dùng. Đây là kênh chính thống của nhà máy sữa. Ngoài ra, nhà máy sữa có dành một phần sữa tài trợ chương trình sữa học đường cho các trường mầm non và tiểu học tại địa phương.



**Hình 4. Kênh phân phối và chức năng của các tác nhân trong chuỗi**

*Nguồn: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu*

### 3.3 Phân bổ thu nhập và giá trị gia tăng trong chuỗi

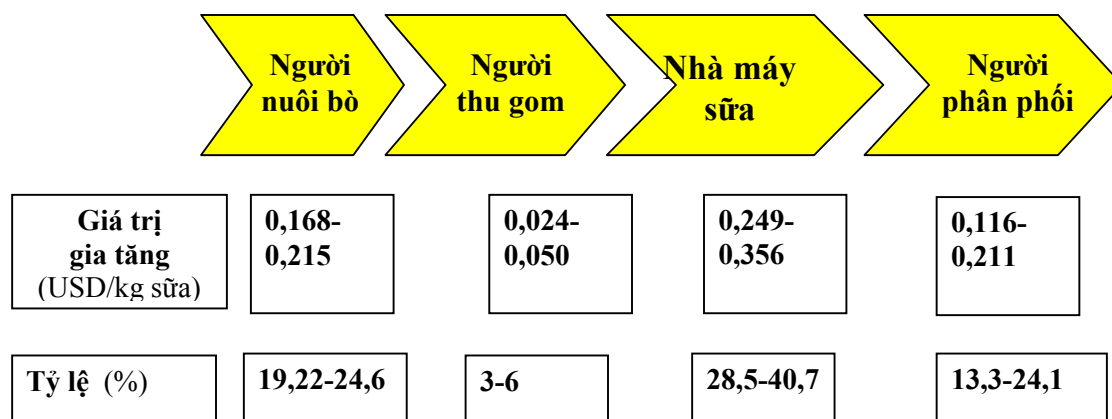
Thu nhập trong chuỗi được phân bổ như trong Hình 5. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thu nhập mà người chăn nuôi thu được chiếm 35% giá trị thu được của toàn chuỗi trong khi chi phí tài chính mà họ đầu tư lớn nhất, từ 40-50% tổng chi phí của toàn chuỗi. Thu nhập của nhà máy sữa khá lớn, chiếm hơn một nửa tổng thu nhập toàn chuỗi (Hình 5).

	Người nuôi bò	Người thu gom	Nhà máy sữa	Người phân phối
<b>Thu nhập (USD/kg sữa)</b>	0,4526 - 0,4739	0,4553 - 0,4761	1,1579- 1.2061	1,2632- 1.3267
<b>Tỷ trọng cộng dồn (%)</b>	34,1- 35,7	34,3-36	87,3-91	95,2-100

**Hình 5. Phân bổ thu nhập trong chuỗi**

*Nguồn: Số liệu điều tra*

Giá trị gia tăng trong chuỗi được phân bổ theo hướng nghiêng về nhà máy sữa với 1/3 giá trị gia tăng toàn chuỗi. Người chăn nuôi được nhận khoảng 1/5 giá trị, phần còn lại chủ yếu nằm ở khâu phân phối (Hình 6).



**Hình 6. Phân bổ giá trị gia tăng trong chuỗi**

*Nguồn: Số liệu điều tra*

### 3.4 Các bên liên quan và hoạt động liên kết trong chuỗi

#### - Các nhà hỗ trợ cho chuỗi phát triển

Trong chuỗi giá trị sữa, bên cạnh sự tham gia của các tác nhân trực tiếp còn có sự hỗ trợ từ phía các bên liên quan. Công tác khuyến nông tại Mộc Châu bao gồm hướng dẫn quy trình chăm sóc đàn bò cho đến thu hoạch, xây dựng khẩu phần ăn các loại, sử dụng thức ăn, khuyến nông, chuồng trại, khuyến nông vệ sinh an toàn để bảo đảm bò sống và vệ sinh sản phẩm, xử lý chân móng bò, cảnh báo thú y (các bệnh thường xảy ra nghiêm trọng), khai thác sữa, chế biến, dự trữ thức ăn. Các chương trình này phần lớn được nhà máy hỗ trợ, phần khác là sự hỗ trợ từ phía Viện Chăn nuôi<sup>4</sup>, dự án JICA<sup>5</sup>. Nhà máy còn hỗ trợ một phần chi phí thụ tinh nhân tạo, hỗ trợ kinh phí vật tư, hướng dẫn khoa học kỹ thuật phục vụ chăn nuôi, trồng trọt. Nhà máy cũng tiêm phòng miễn phí 1 năm 1 lần vacxin chống lở mồm long móng và một vài loại vacxin khác. Về vốn tín dụng, một số trường hợp khó khăn được nhà máy bảo lãnh vay vốn hoặc được giới thiệu vay vốn lãi suất ưu đãi từ dự án ASODIA<sup>6</sup>.

Tuy nhiên, sự hỗ trợ của các kênh tín dụng chính thức và các đơn vị đào tạo, các viện nghiên cứu, chuyên gia công nghệ và kỹ thuật từ bên ngoài còn rất hạn chế.

#### - Khung pháp lý

Nhà nước ta với Chương trình phát triển ngành sữa quốc gia, quyết định số 167/2001/QĐ-TTg<sup>7</sup> về một số biện pháp và chính sách phát triển bò sữa Việt Nam giai đoạn 2001-2010, và các chính sách, nghị định đã tạo điều kiện phát triển bò sữa. Ở cấp địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cũng đã tạo điều kiện về cơ chế chính sách cho phát triển ngành bò sữa tại địa phương<sup>8</sup>. Tuy nhiên, tác động và hiệu quả của các chính sách này đối với các khâu trong chuỗi chưa thể hiện rõ nét.

## 4. THẢO LUẬN VÀ PHÂN TÍCH

Tại Mộc Châu, số lượng hộ nuôi bò giảm đi kể từ năm 2008 một phần do diện tích của nhà máy sữa được dành cho xây dựng<sup>9</sup>, một phần khác dừng sản xuất do không có nhân lực<sup>10</sup>. Một số ít hộ quy mô nhỏ tập trung lại để khai thác lợi thế nhờ quy mô. Tuy vậy, số lượng bò liên tục tăng lên qua các năm, đặc biệt là năng suất sữa tăng lên do nhà máy sữa đã

<sup>4</sup> Viện Chăn nuôi đã hỗ trợ kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho 7 người tại nhà máy sữa

<sup>5</sup> JICA (Nhật Bản) trong khoảng thời gian 5 năm (dự kiến kết thúc tháng T4/2011) đã hỗ trợ và nâng cao kỹ thuật chăn nuôi quy mô hộ nhỏ và vừa về quy trình theo dõi, quản lý đàn bò và đào tạo kỹ thuật viên cho các khuyến nông

<sup>6</sup> Hỗ trợ kỹ thuật và vốn cho hộ có quy mô vừa và nhỏ. Năm 2010 cho vay 40 hộ, năm 2009 cho vay 30 hộ mỗi hộ 40 triệu đồng để mua bò chăn nuôi. Hỗ trợ kỹ thuật và chất lượng sữa.

<sup>7</sup> Ban hành ngày 26/10/2001

<sup>8</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã có các quyết định tạo cơ chế phát triển ngành sữa là: 898/2002/QĐ-UB ban hành ngày 10/4/2002; 1463/2002/QĐ-UB ban hành ngày 31/5/2002 và 701/2003/QĐ-UB ban hành ngày 13/3/2003

<sup>9</sup> Công ty đang xây dựng khu hành chính mới và khu dự án Nhật

<sup>10</sup> Một số gia đình khi con cái trưởng thành đã không tiếp tục nghề nên không có người làm

tập huấn, đào tạo cho người dân kỹ thuật chăn nuôi và bảo vệ tốt<sup>11</sup>. Quy mô bò trung bình hộ ở đây đã lên mức khai thác được lợi thế nhờ quy mô<sup>12</sup>. Nhà máy sữa có tốc độ tăng trưởng rất tốt.

Trong toàn chuỗi, khâu chế biến sữa (nhà máy sữa) là người có quyền quyết định. Nhà máy sữa quyết định yếu tố đầu vào trong sản xuất sữa. Họ yêu cầu người chăn nuôi phải sử dụng các yếu tố đầu vào theo quy định của họ. Họ cũng là người cung cấp các yếu tố đầu vào chủ yếu cho các hộ chăn nuôi là giống và thức ăn tinh. Ngay cả giá thu mua sữa cho đến các quyết định về chính sách áp dụng đối với người chăn nuôi (chính sách thưởng, phạt, yêu cầu thông tin, yêu cầu chỉ tiêu chất lượng) cũng do họ đưa ra. Người chăn nuôi không có khả năng áp đặt hoặc thương lượng giá, họ là người chấp nhận giá (100% số hộ). Như vậy quyền của người chăn nuôi bò sữa trong chuỗi này chưa được thể hiện, tiếng nói của họ có ít giá trị. Do đó, rất cần có cơ chế để tiếng nói của họ có giá trị hơn và quyền của họ được thực hiện.

Nhà máy sữa cũng là người quyết định đối với khâu thu gom: vị trí, chính sách, quyền lợi được hưởng và trách nhiệm. Đối với đoạn sau của chuỗi, nhà máy sữa cũng có quyền lực nhất định nhưng mức độ giảm đi so với đoạn trên. Đối với các yếu tố càng xa, quyền lực của họ càng giảm. Nhà máy sữa có quyền quyết định đối với các showroom, các nhà phân phối chính của họ (trên 90%); có tác động khá lớn đến các đại lý cấp 1 (75%); có ảnh hưởng đến các đại lý cấp 2,3 (40%) và ít có ảnh hưởng đến các người bán lẻ hay người phân phối lẻ (10%). Như vậy, trong toàn chuỗi, nhà máy sữa sẽ là người thúc đẩy phát triển. Nếu nhà máy sữa phát triển, có chiến lược và chính sách tốt, cả chuỗi sẽ được thúc đẩy và ngược lại.

Giá trị thu nhập trong chuỗi được phân phối chưa thực sự hiệu quả. Phần lợi ích mà người chăn nuôi thu được (19,2-24,6% giá trị gia tăng của toàn chuỗi) chưa tương xứng với phần chi phí (40-50% tổng chi phí của toàn chuỗi) họ bỏ ra. Đây là một chuỗi đặc thù, ở đó nhân tố chính thúc đẩy cả chuỗi là nhà máy sữa nên doanh thu tăng thêm cũng phản ánh phần lợi về phía họ. Kết quả là, giá trị gia tăng trong chuỗi cũng được phân phối theo chiều hướng thiên lệch về phía nhà máy sữa (28,5-40,7%). Như vậy, xét về mặt phân phối lợi ích, người chăn nuôi đang phải một phần chịu thiệt thòi nhất định, họ cần được hưởng phần giá trị gia tăng lớn hơn để tương xứng với chi phí mà họ đã bỏ ra.

Một điều đáng chú ý là mọi khoản đầu tư của nhà máy sữa dù nhỏ cũng được vào tính giá thành sản xuất và được khấu trừ khi tính giá trị gia tăng. Trong khi đó, thu nhập hỗn hợp của người chăn nuôi tính gộp cả công lao động gia đình và chi phí cơ hội. Với thời gian lao động bỏ ra một ngày từ 4 giờ sáng để vắt sữa cho đến 8 giờ tối, trừ thời gian nghỉ ngơi và ăn uống, mỗi ngày người chăn nuôi phải làm việc 12 đến 14 tiếng. Ngoài ra, số vốn họ bỏ ra mua bò giống từ 20 - 60 triệu đồng tùy loại bò, chi phí cơ hội của vốn đã không được tính đến khi tính giá trị gia tăng cho người chăn nuôi. Bên cạnh đó, chi phí cơ hội của đất đai - trung bình mỗi con bò cần 2000m<sup>2</sup> đất<sup>13</sup> cũng chưa được tính trong chi phí nuôi bò. Như vậy, nếu chúng ta hạch toán chi tiết cả chi phí lao động, chi phí cơ hội của vốn và của đất đai thì giá trị gia tăng ở khâu sản xuất sữa hay giá trị thực tế mà người chăn nuôi nhận được sẽ giảm xuống khá nhiều.

Trong chuỗi giá trị sữa, ngoài sự liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân trong chuỗi, các bên liên quan bao gồm các dịch vụ trợ giúp như dịch vụ thú y, dịch vụ kỹ thuật... được thực hiện khá tốt. Sự hỗ trợ từ phía Viện Chăn nuôi, dự án JICA, dự án ASODIA giúp ích người chăn nuôi rất nhiều, đặc biệt là các hộ quy mô nhỏ. Cơ chế chính sách ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương về cơ bản đã tạo điều kiện tốt cho vùng chăn nuôi bò sữa. Đó là một trong những yếu tố dẫn đến thành công của ngành bò sữa Mộc Châu mà không phải nơi nào cũng

<sup>11</sup> Trong đợt rét đậm, rét hại kéo dài 1,5 tháng tết Nguyên đán 2011, mỗi ngày Thị xã Mộc Châu có tới hơn 100 bò chết nhưng tại Nông trường về cơ bản không có hiện tượng bò chết do rét do bà con có phương án dự phòng và bảo vệ rất tốt.

<sup>12</sup> Các nghiên cứu trước đã chỉ ra lợi thế nhờ quy mô ở ngành chăn nuôi bò sữa Việt Nam là từ 10 con trở lên, nếu quy mô ít sẽ có lãi sau 6 lứa

<sup>13</sup> Công ty khoán các hộ mỗi ha nuôi 5 con bò sữa



thực hiện được. Đây là kinh nghiệm quý báu cho các khu vực phát triển bò sữa của Miền Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung. Hệ thống cơ sở hạ tầng và các điều kiện tự nhiên, khách quan đã khá thuận lợi cho phát triển bò sữa. Cao nguyên Mộc Châu đặc trưng bởi khí hậu ôn đới trong lành, mát mẻ, ít sương mù về mùa đông; nhiệt độ trung bình của các tháng mùa hè từ 18<sup>0</sup>C , 25<sup>0</sup>C. Hệ thống đường giao thông được bê tông hóa, hệ thống điện nước phục vụ sản xuất tương đối ổn định. Như vậy, muốn thúc đẩy chuỗi giá trị sữa phát triển, thì chúng ta phải tiếp cận từ bên trong của chuỗi.

Qua phân tích chuỗi giá trị sữa tươi, một số đề xuất được đưa ra là:

Thứ nhất, nên tạo cơ chế để quyền của người chăn nuôi được thực hiện tốt hơn, tiếng nói của họ có giá trị hơn để đảm bảo quyền dân chủ cũng như lợi ích cho họ.

Thứ hai, cần tạo điều kiện nâng cao giá trị gia tăng cho người chăn nuôi để bảo đảm quyền lợi tương xứng với chi phí họ bỏ ra.

Thứ ba, phát triển mô hình liên kết chặt chẽ từ người sản xuất đến người tiêu dùng dọc theo chuỗi giá trị, nâng cao tính hợp tác của các tác nhân tham gia chuỗi để bảo đảm sự phát triển bền vững của chuỗi.

## **5. KẾT LUẬN**

Ngành chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam nói chung và vùng nghiên cứu đang phát triển nhanh để đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng cao về sữa bò. Việc hình thành chuỗi cung ứng sữa từ người chăn nuôi bò sữa tới người tiêu dùng là một xu thế tất yếu để phát huy lợi thế của việc chuyên môn hóa ở từng khâu và đáp ứng tính đa dạng về sản phẩm của người tiêu dùng cuối cùng.

Trong nghiên cứu này phân thành bốn nhóm tác nhân chính trực tiếp tham gia trên chuỗi đó là hộ chăn nuôi bò sữa, người thu gom sữa tươi, nhà máy chế biến sữa và nhà phân phối sản phẩm chế biến từ sữa bò tươi, trong đó nhà máy chế biến giữ vai trò trung tâm, chiếm ưu thế trong việc đánh giá chất lượng và giá cả sữa tươi. Từ đó đương nhiên họ là người được hưởng lợi ích kinh tế nhất trên chuỗi (28,5-40,7%), trong khi người chăn nuôi bò sữa là tác nhân đầu tiên tạo ra sản phẩm với điều kiện chăn nuôi khó khăn và chịu nhiều rủi ro nhưng lại được hưởng lợi ích thấp nhất và không có tiếng nói trong việc quyết định giá cả sữa tươi.

Ngoài các tác nhân chính trực tiếp tham gia trên chuỗi, còn có các tác nhân và yếu tố khác như thú y, khuyến nông, khoa học công nghệ... và khung pháp lý bảo đảm cho chuỗi vận hành.

Để bảo đảm hiệu quả, công bằng và bền vững cho chuỗi giá trị ngành sữa ở vùng nghiên cứu, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp như tạo cơ chế để thực hiện quyền của người chăn nuôi nhiều hơn, tạo điều kiện nâng cao giá trị gia tăng cho người chăn nuôi, phát triển mô hình liên kết chặt chẽ từ người sản xuất đến người tiêu dùng dọc theo chuỗi giá trị, nâng cao tính hợp tác của các tác nhân tham gia chuỗi.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Tài Anh và CS(2009), *Nông trường Mộc Châu - Sơn La: 50 năm Xây dựng và trưởng thành*, Sơnla, p12
2. Nancy B. và CS (2006), *Tổng hợp, phân tích và phổ biến kinh nghiệm chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam*, AVSF/ACI/FAO, Hà nội, 153p.
3. Nancy M. (2008), “FAO vision for the Dairy Development in Asia”, tham luận trình bày tại hội thảo *Chiến lược ngành sữa Việt Nam*, Hà Nội, ngày 30-31/10/2008.
4. GSO (2011), *Số liệu thống kê sản lượng sản phẩm chăn nuôi chủ yếu*, truy cập ngày 17/04/2011  
<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=390&idmid=3&ItemID=9986>,
5. VOV/VNA (2008), *Bản tin đài tiếng nói Việt Nam*, (tiếng Anh) truy cập ngày 10/11/2008. <http://english.vovnews.vn/Home/A-development-strategy-for-dairy-industry-under-discussion/200810/12063.vov>.